

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 24-3-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng

góp hui và vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hui và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp TQ, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 09/09/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào năm 2022 chị làm chủ hui, chị Nguyễn Thị D tham gia góp cụ thể như sau: Ngày 20/04/2022 âm lịch, chị mở dây hui loại 1.000.000 đồng gồm có 33

phần, chị Nguyễn Thị D tham gia góp 01 phần, sau khi đóng được 02 lần thì chị Nguyễn Thị D lĩnh số tiền 22.510.000 đồng, sau đó chị Nguyễn Thị D góp tiếp tục 15 lần hui, còn lại 16 lần hui chết số tiền 16.000.000 đồng còn nợ lại đến nay; Ngày 20/02/2023 âm lịch (nhuân), chị mở dây hui loại 500.000 đồng, gồm có 56 phần, chị Nguyễn Thị D tham gia góp 01 phần, sau khi góp được 02 lần thì chị Nguyễn Thị D lĩnh số tiền 16.450.000 đồng, còn lại 54 lần hui chết số tiền 27.000.000 đồng ($500.000 \text{ đồng} \times 54 \text{ lần}$) còn nợ lại đến nay. Tổng 02 dây hui chị Nguyễn Thị D nợ chị số tiền 43.000.000 đồng. Đồng thời, chị Nguyễn Thị D cần tiền xoay sở nợ nần có hỏi vay tiền của chị 05 lần như sau: Vào ngày 20/02/2023 âm lịch, chị cho chị Nguyễn Thị D vay 2.500.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 1,66%/ tháng đến nay chị Nguyễn Thị D không đóng lãi cho chị là 23 tháng là 954.500 đồng ($2.500.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 23 \text{ tháng}$), chị Nguyễn Thị D còn nợ chị số tiền vốn gốc và lãi là 3.454.500 đồng; Ngày 20/8/2023 âm lịch, chị cho chị Nguyễn Thị D vay 2.500.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 1,66%/ tháng đến nay chị Nguyễn Thị D không đóng lãi cho chị là 17 tháng là 705.500 đồng ($2.500.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 17 \text{ tháng}$), chị Nguyễn Thị D còn nợ chị số tiền vốn gốc và lãi là 3.205.500 đồng; Ngày 05/9/2023 âm lịch, chị cho chị Nguyễn Thị D vay 1.500.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 1,66%/ tháng đến nay chị Nguyễn Thị D không đóng lãi cho chị là 17 tháng là 398.400 đồng ($1.500.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 16 \text{ tháng}$), chị Nguyễn Thị D còn nợ chị số tiền vốn gốc và lãi là 1.898.400 đồng; Ngày 28/10/2023 âm lịch, chị cho chị Nguyễn Thị D vay 3.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 1,66%/ tháng đến nay chị Nguyễn Thị D không đóng lãi cho chị là 15 tháng là 747.000 đồng ($3.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 15 \text{ tháng}$), chị Nguyễn Thị D còn nợ chị số tiền vốn gốc và lãi là 3.747.000 đồng; Ngày 20/12/2023 âm lịch, chị cho chị Nguyễn Thị D vay 4.500.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 1,66%/ tháng đến nay chị Nguyễn Thị D không đóng lãi cho chị là 13 tháng là 971.100 đồng ($4.500.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng}$), chị Nguyễn Thị D còn nợ chị số tiền vốn gốc và lãi là 5.471.100 đồng. Tổng số tiền vay vốn gốc và lãi là 17.776.500 đồng, trong đó 14.000.000 đồng tiền vốn gốc và 3.776.500 đồng tiền vay lãi. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị D trả cho chị tổng số tiền hui và tiền vay vốn gốc, lãi còn nợ là 60.776.500 đồng. Trong đó: 43.000.000 đồng tiền hui, 17.776.500 đồng và tiếp tục trả tiền vay lãi phát sinh từ ngày 05/3/2025 cho đến khi trả xong số tiền vay nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 06/3/2025, bị đơn chị Nguyễn Thị D*

trình bày như sau:

Chị có tham gia hội của chị Nguyễn Thị L làm chủ hội: Đây hội mở các ngày 10/03/2022, ngày 20/04/2022 và ngày 20/02/2023, sau khi mãn hội chị còn thiếu chị Nguyễn Thị L một số tiền, còn một số chân hội đã mãn nhưng không thấy chị Nguyễn Thị L ghi vào chỉ tổng cộng số tiền nợ cũ và nợ mới, chị nợ chị Nguyễn Thị L tiền hội 14.000.000 đồng tiền nợ cũ và 13.000.000 đồng tiền nợ mới và số tiền 4.000.000 đồng hội chưa mãn, tổng cộng là 31.000.000 đồng, do chị Nguyễn Thị L không đi gom tiền hội. Sau ngày 22/08/2024 Ban Lãnh đạo ấp Trung Quý tiến hành hòa giải nợ tiền hội giữa chị và chị Nguyễn Thị L, nội dung cuộc hòa giải do hoàn cảnh gia đình chị khó khăn, nuôi mẹ già, kinh tế chỉ dựa vào chị thì Ban Lãnh đạo ấp có đề nghị bỏ tiền lãi là 9.000.000 đồng chị Nguyễn Thị L đồng ý và ý kiến chị Nguyễn Thị L mỗi tháng chị đóng 4.000.000 đồng bao gồm tiền hội chưa mãn, thì chị không có khả năng đóng và còn hội chưa mãn thì chị Nguyễn Thị L cứ đến gom tiền, còn tiền chị nợ cũ thì mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L không đồng ý dẫn đến hòa giải không thành. Cùng ngày sau khi hòa giải xong chị còn 02 chân hội chết chưa đóng (chưa mãn), chị phải đóng hội chết 01 chân 500.000 đồng và 01 chân 1.000.000 đồng, tính từ thời điểm đó cho đến nay tổng cộng số tiền 02 chân hội chết là 12.000.000 đồng đã tính đến mãn. Còn 05 tờ giấy ghi nội dung hỏi tiền trong đơn khởi kiện các ngày 20/02/2024, ngày 20/08/2023, ngày 05/09/2023, ngày 28/10/2023 và ngày 20/12/2023 đều không đúng, chị chỉ ký tên thiếu nợ hội chứ không ký tên hỏi tiền. Như vậy tổng cộng số tiền chị thiếu chị Nguyễn Thị L là 43.000.000 đồng, còn số tiền 14.000.000 đồng tiền vay vốn gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi là không đúng, chị xin cam đoan tất cả nội dung trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai chị xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Danh sách tham gia góp hội ngày 10 tháng 3 năm 2022 của chị Nguyễn Thị L và sổ ghi theo dõi hội (Bản phô tô và bản chính); 02 Biên nhận tiền hội ngày 20 tháng 4 năm 2022 và ngày 20 tháng 02 năm 2023 của chị Nguyễn Thị D (Bản phô tô và bản chính); 05 tờ giấy ghi nội dung hỏi tiền các ngày 20 tháng 2 năm 2023, ngày 20 tháng 8 năm 2023, ngày 05 tháng 9 năm 2023, ngày 28 tháng 10 năm 2023 và ngày 20 tháng 12 năm 2023 của ấp Kinh Xáng (Bản phô tô và bản chính); Biên bản về việc hòa giải đơn yêu cầu của đương sự nợ tiền chơi hội ngày 22 tháng 8 năm 2024 của ấp TQ (Bản phô tô và bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 29 tháng 8 năm 2024 của chị Nguyễn Thị L (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L tổ chức góp hụi, chị Nguyễn Thị D tham gia góp hụi và vay tiền của chị còn nợ đến ngày 22/3/2025 là 45.498.300 đồng. Trong đó: 43.000.000 đồng tiền vốn gốc và 2.498.300 đồng tiền lãi và trả tiền lãi phát sinh sau ngày 22/3/2025 cho đến khi trả xong số tiền vay nói trên với mức lãi 0,83% trên tháng, trên số tiền vốn gốc 43.000.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D thừa nhận có tham gia góp hụi và đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền hụi chết còn nợ là 45.498.300 đồng. Trong đó: 43.000.000 đồng tiền vốn gốc và 2.498.300 đồng tiền lãi, chị hẹn trả mỗi tháng 1.500.000 đồng, trả liên tục cho đến khi dứt số nợ trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng dân sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị D phải trả cho chị tiền còn nợ là 45.498.300 đồng. Trong đó: 43.000.000 đồng tiền vốn gốc và 2.498.300 đồng tiền lãi và trả lãi phát sinh cho đến khi trả xong số tiền nói trên là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị D phải trả cho chị tiền hụi và tiền vay còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp TQ, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị D biết và ấn định thời gian để chị

Nguyễn Thị D có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị L khởi kiện đòi với chị trả tiền hội và tiền vay còn nợ thì đến ngày 06/3/2025 chị Nguyễn Thị D gửi văn bản trình bày ý kiến. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Nguyễn Thị D vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà bị đơn chị Nguyễn Thị D có mặt tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét về hợp đồng góp hội giữa chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị D xác lập các ngày 20/04/2022 âm lịch và ngày 20/02/2023 âm lịch (nhuần) bằng lời nói, hội có lãi và có hoa hồng và chỉ lập danh sách tham gia góp hội, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực sổ hội, không ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân; ngày tháng năm sinh, lãi suất trong họ có lãi; quyền và nghĩa vụ tham gia góp hội là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường, nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/ NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Xét về hợp đồng vay tài sản giữa chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị D được xác lập bằng lời nói, không lập thành văn bản, có ghi biên nhận các ngày 20/02/2023 âm lịch vay 2.500.000 đồng, ngày 20/8/2023 âm lịch vay 2.500.000 đồng, ngày 05/9/2023 âm lịch vay 1.500.000 đồng, ngày 28/10/2023 âm lịch vay 3.000.000 đồng và ngày 20/12/2023 âm lịch vay 4.500.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị D trả cho chị số tiền hội còn nợ là 43.000.000 đồng và trả trong thời hạn 01 tháng hết số tiền nói trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì chị Nguyễn Thị D thừa nhận còn nợ tiền hội của chị Nguyễn Thị L đều phù hợp với nhau xác định được, chị Nguyễn Thị L tổ chức góp hội, chị Nguyễn Thị D tham gia góp còn nợ chị Nguyễn Thị L tổng số tiền hội chết là 31.000.000 đồng phù hợp với biên bản hòa giải 22 tháng 8 năm 2024 của ấp TQ, xã Đ là có thật theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị Nguyễn Thị D

không trả theo thỏa thuận, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của thành viên góp hội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường, do đó, chị Nguyễn Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị D trả tiền hội chết chưa góp 31.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị D trả cho chị số tiền vay các ngày 20/02/2023 âm lịch vay 2.500.000 đồng, ngày 20/8/2023 âm lịch vay 2.500.000 đồng, ngày 05/9/2023 âm lịch vay 1.500.000 đồng, ngày 28/10/2023 âm lịch vay 3.000.000 đồng và ngày 20/12/2023 âm lịch vay 4.500.000 đồng, tổng số tiền vay vốn gốc là 14.000.000 đồng đều có ghi biên nhận; chị Nguyễn Thị D không thừa nhận biên nhận tiền vay, chị Nguyễn Thị D cho rằng biên nhận tiền hội. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể 05 biên nhận các ngày 20/02/2023 âm lịch, ngày 20/8/2023 âm lịch, ngày 05/9/2023 âm lịch, ngày 28/10/2023 âm lịch và ngày 20/12/2023 âm lịch đều ghi rõ nội dung hỏi tiền tháng. Đồng thời, tại biên bản hòa giải 22 tháng 8 năm 2024 của ấp TQ, xã Đ chị Nguyễn Thị D thừa nhận có nhờ chị Nguyễn Thị L hỏi vay để góp hội tham gia góp nói trên là có thật theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, chị Nguyễn Thị D không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh chị đã trả số tiền trên cho chị Nguyễn Thị L theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, buộc chị Nguyễn Thị D phải trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền vay vốn gốc và tiền lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn chị Nguyễn Thị D thống nhất số tiền hội, tiền vay vốn gốc và tiền lãi tính từ ngày 22/8/2024 đến ngày 22/3/2025 là 45.498.300 đồng, trong đó: 43.000.000 đồng tiền vốn gốc và 2.498.300 đồng tiền lãi ($43.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 7 \text{ tháng}$), chị Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 22/3/2025 cho đến khi trả xong số tiền nói trên với mức lãi 0,83% trên tháng, trên số tiền vốn gốc 43.000.000 đồng nên ghi nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D, buộc chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền hội,

tiền vay vốn gốc và tiền lãi tính từ ngày 22/8/2024 đến ngày 22/3/2025 là 45.498.300 đồng, trong đó: 43.000.000 đồng tiền vốn gốc và 2.498.300 đồng tiền lãi ($43.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 7 \text{ tháng}$), chị Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 22/3/2025 cho đến khi trả xong số tiền nói trên với mức lãi 0,83% trên tháng, trên số tiền vốn gốc 43.000.000 đồng theo quy định tại Điều 468 và khoản 2 Điều 469, Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 17 của Nghị định số: 19/2019/ NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biện, phường.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 468 và khoản 2 Điều 469, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 24 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, họ, biện, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn chị Nguyễn Thị D, buộc chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền họ, tiền vay vốn gốc và tiền lãi đến ngày 22/3/2025 là 45.498.300 đồng, trong đó: 43.000.000 đồng tiền vốn gốc và 2.498.300 đồng tiền lãi ($43.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 7 \text{ tháng}$), chị Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 22/3/2025 cho đến khi trả xong số tiền nói trên với mức lãi 0,83% trên tháng, trên số tiền vốn gốc 43.000.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.274.915 đồng (45.498.300 đồng x 5%).

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000 đồng theo các biên lai thu số: 0003561 ngày 25 tháng 12 năm 2024 (1.650.000 đồng) và số: 0011938 ngày 04 tháng 3 năm 2025 (300.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/3/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo